

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-PT
Ngày 25- 9 - 2019
V/v xin Ly hôn và nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Loan

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Xuân

Bà Hoàng Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Kim Dung

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang : Bà Lâm Thị Thanh
Thảo Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2019/TLPT- HNGĐ ngày 09 tháng
8 năm 2019 về việc Ly hôn – nuôi con chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 27/6/2019 của Toà
án nhân dân huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2019/QĐPT ngày
11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Vàng Sảo C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã P,
huyện X, tỉnh Hà Giang; Nơi làm việc: Bệnh viện đa khoa huyện X, tỉnh Hà Giang

2. *Bị đơn:* Chị Sùng Thị P, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện X,
tỉnh Hà Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn Chị Sùng Thị P,

Người Phiên dịch tiếng Mông: Bà Vừ Thị Máy; sinh năm 1977, trú tại tổ 7
phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2019 và quá trình tố tụng anh
Vàng Sảo C trình bày:*

Anh Vàng Sảo C và chị Sùng Thị P về chung sống với nhau từ năm 2007
đến ngày 09/12/2009 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X,

tỉnh Hà Giang. Việc kết hôn giữa anh C và chị P là do tự nguyện, không bị ép buộc. Khi anh C và Chị P về chung sống với nhau là khoảng thời gian anh C đang theo học tại Trường Phổ thông dân tộc nội trú huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang. Anh C ít khi ở nhà, hai vợ chồng thỉnh thoảng nảy sinh mâu thuẫn. Đầu năm 2010 mâu thuẫn vợ chồng xảy ra trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn do chị P không đồng ý cho anh C đi học chuyên nghiệp mà bắt phải về nhà, anh C không đồng ý. Tháng 9 năm 2013, chị P đề nghị anh C làm thủ tục ly hôn, anh C không đồng ý ly hôn nên không làm thủ tục. Tháng 8 năm 2016, chị P nghi ngờ anh C ngoại tình, hai vợ chồng cãi chửi nhau thậm tệ. Tháng 12 năm 2016, chị P viết đơn đề nghị Bệnh viện đa khoa huyện X buộc anh C thôi việc. Anh C và chị P sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến bây giờ. Nay anh C nhận thấy không thể chung sống với chị P được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên đã đề nghị Tòa án nhân dân huyện X giải quyết cho anh C được ly hôn với chị P.

Về con chung của vợ chồng: Anh C và chị P có hai con chung là cháu Vàng Diệu H, sinh ngày 29/03/2009 và cháu Vàng Diệu L, sinh ngày 25/10/2016. Các cháu hiện đang sống cùng chị Sùng Thị P. Anh C đồng ý để chị P nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Vàng Diệu H và cháu Vàng Diệu L đến tuổi trưởng thành. Anh C cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 3.000.000đồng (Ba triệu đồng) một tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng và nợ chung: Anh Vàng Sảo C không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong Bản tự khai ngày 14 tháng 02 năm 2019, tại các bản trình bày có trong hồ sơ bị đơn chị Sùng Thị P trình bày: Chị thừa nhận việc đi đến hôn nhân với anh Vàng Sảo C là do tự nguyện không bị ép buộc. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C đi học lớp cử tuyển Đại học y ở Hải Dương vào năm 2010 và không quan tâm đến gia đình. Đến năm 2016 anh C hết khóa học về nhà và luôn tìm cơ lảng tránh chị P. Năm 2017, anh C vào làm việc ở Bệnh viện đa khoa huyện X và không về nhà nữa. Chị P phát hiện thấy anh C đi ngoại tình với cô gái khác. Chị P và gia đình hai bên có động viên anh C trở về đoàn tụ gia đình nhưng anh C không đồng ý. Chị P và anh C sống ly thân từ năm 2017, đến tháng 7 năm 2018 anh C có về nhà sống với chị P được mấy ngày rồi lại bỏ đi không về nhà nữa. Nay anh Vàng Sảo C có đơn ly hôn, chị P đồng ý ly hôn với anh C.

Về con chung của vợ chồng: Chị P thừa nhận theo nội dung trình bày của anh C là đúng có 02 con cháu Vàng Diệu H, sinh ngày 29/03/2009 và cháu Vàng Diệu L, sinh ngày 25/10/2016. Chị P đề nghị được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu đến khi trưởng thành. Anh Vàng Sảo C phải cấp dưỡng nuôi con chung mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) một tháng theo phương thức định kỳ hàng tháng.

Về tài sản: Ngày 16 tháng 4 năm 2019, chị Sùng Thị P nộp đơn phản tố đề ngày 09 tháng 4 năm 2019 yêu cầu anh Vàng Sảo C phải trả cho chị P 235.305.000đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu, ba trăm không năm nghìn đồng*) gồm tiền nuôi anh C ăn học, tiền anh C lấy từ gia đình đi chi tiêu cá nhân và tiền bồi thường tổn thất tinh thần cho chị P.

Về các khoản nợ chung: Không có tranh chấp, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của chị Sùng Thị P và anh Vàng Sảo C thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện X tỉnh Hà Giang cấp ngày 09 tháng 12 năm 2009 cho chị Sùng Thị P và anh Vàng Sảo C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Vàng Diệu H, sinh ngày 29/03/2009 và cháu Vàng Diệu L, sinh ngày 25/10/2016 cho chị Sùng Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Vàng Sảo C cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Vàng Diệu H và cháu Vàng Diệu L) cho chị Sùng Thị P với mức cấp dưỡng 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) một tháng theo phương thức định kỳ hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Vàng Sảo C có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Không chấp nhận đơn phản tố của chị Sùng Thị P về việc phân chia tài sản chung gia đình. Chị Sùng Thị P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác theo khoản 6 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu của chị Sùng Thị P tại phiên tòa yêu cầu anh Vàng Sảo C chi cho chị P 60.000.000đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) để làm nhà.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019, chị Sùng Thị P có đơn kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm. Chị đề nghị cấp phúc thẩm xem xét những nội dung:

Về cấp dưỡng nuôi con: Yêu cầu anh Vàng Sảo C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu Vàng Diệu H, sinh ngày 29/03/2009 và cháu Vàng Diệu L, sinh ngày 25/10/2016 số tiền là 4.000.000đ/tháng;

Về quan hệ tài sản: Yêu cầu anh Vàng Sảo C hỗ trợ cho chị P 60.000.000đ tiền làm nhà ở, trả lại cho chị P 50.000.000đ tiền anh C đã lấy đi chuộc lại chị Vàng Thị T và 30.000.000đ tiền anh C bị phạt trong tổng số tiền 60.000.000đ.

Ngoài ra chị P yêu cầu anh C phải thực hiện Bản cam kết các bên đã ký kết ngày 26/01/2014 về nội dung hai bên thỏa thuận khi về sống chung với nhau anh C có lỗi thì phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị số tiền 200.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị Sùng Thị P vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, chị trình bày: Hiện nay, hàng tháng chị làm việc và lao động có thu nhập khoảng từ 4 triệu đồng đến 5 triệu đồng/tháng, anh C trợ cấp nuôi con mức 3 triệu đồng/tháng thì tổng thu nhập hàng tháng của chị khoảng 7 triệu đồng đến 8 triệu đồng/tháng chi phí cho 3 người là thấp không đảm bảo cuộc sống của 3 mẹ con chị. Về quan hệ tài sản chị đã hiểu và nhất trí khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Anh Vàng Seo C: Không nhất trí với nội dung kháng cáo của chị ; anh đề nghị được nuôi hai cháu Vàng Diệu H và cháu Vàng Diệu L, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con với lý do chị P không có công ăn việc làm ổn định, để chị P nuôi hai cháu H và L sẽ không đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và các điều kiện cần thiết khác của hai cháu.

Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của chị Sùng Thị P; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01 /2019/ST-HNGĐ ngày 27/6/ 2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Cấp sơ thẩm đã căn cứ khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình xác định quan hệ pháp luật phải giải quyết trong vụ án là “Ly hôn, nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Xín Mần tỉnh Hà Giang là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm bị đơn chị Sùng Thị P kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 272, Điều 273, khoản 1 Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự được HĐXX chấp nhận.

[2] Về nội dung: Đơn kháng cáo của chị Sùng Thị P, yêu cầu anh Vàng Sảo C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai cháu Vàng Diệu H, sinh ngày 29/03/2009 và cháu Vàng Diệu L, sinh ngày 25/10/2016 số tiền là 4.000.000đ/tháng, xét thấy:

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Tại Biên bản xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm tại Bệnh viện Đa khoa huyện X, tỉnh Hà Giang ngày 05/4/2019, nơi anh C đang công tác thì lương và các khoản phụ cấp do Bệnh viện Đa khoa huyện X, tỉnh Hà Giang chi trả cho anh C là 5.741.117 đồng/tháng; anh C đã tự nguyện chi trả tiền cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng là hợp lý, có khả năng chi trả; hàng tháng anh C còn phải dành một khoản tiền nhất định để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của bản thân. Vì vậy, yêu cầu của chị P buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 4.000.000đồng là vượt quá khả năng chi trả của anh C. Tại phiên tòa chị P không cung cấp được các tài liệu chứng cứ để chứng minh ngoài thu nhập từ lương của anh C tại Bệnh viện Đa khoa huyện X, anh C còn có các khoản thu nhập khác, nên hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Về quan hệ tài sản: Chị P yêu cầu anh Vàng Sảo C hỗ trợ cho chị P 60.000.000đ tiền làm nhà ở, trong quá trình làm bản tự khai và lấy lời khai, chị Sùng Thị P không đề nghị giải quyết về tài sản. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 04/4/2019 chị Sùng Thị P mới có đơn phản tố ngày 09/4/2019 đề nghị chia tài sản và buộc anh C phải trả cho chị P 235.305.000đồng (*Hai trăm ba mươi lăm triệu ba trăm không năm nghìn đồng*). Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang đã ra Thông báo số 01/TB-TA ngày 22/4/2019 Thông báo không chấp nhận đơn phản tố của chị Sùng Thị P và đã cho chị P biết chị có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác để giải quyết về tài sản.

Chị P yêu cầu anh C trả lại cho chị P 50.000.000đ tiền anh C đã lấy đi chuộc lại chị Vàng Thị T và 30.000.000đ tiền anh C bị phạt trong tổng số tiền 60.000.000đ; yêu cầu anh C phải thực hiện Bản cam kết các bên đã ký kết ngày 26/01/2014 về nội dung hai bên thỏa thuận khi về sống chung với nhau anh C có lỗi thì phải bồi thường tuổi thanh xuân cho chị số tiền 200.000.000đ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị P không có yêu cầu giải quyết về nội dung này nên cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Toàn bộ tranh chấp về tài sản giữa chị P và anh C trong thời kỳ hôn nhân, chị P có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ án khác để giải quyết về tài sản sau ly hôn theo quy định tại Điều 213, 219 Bộ luật

dân sự 2015, Điều 59 Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014, khoản 6 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C đề nghị được nuôi hai cháu Vàng Diệu H và cháu Vàng Diệu L, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, xét thấy: Tại Biên bản hòa giải ngày 04/4/2019, anh C thỏa thuận nhất trí để chị P nuôi hai cháu H và L, anh C có trách nhiệm trợ cấp tiền nuôi con cho chị P là 3 triệu đồng/tháng; tại phiên tòa sơ thẩm cháu H đề nghị được ở với chị P, cấp sơ thẩm đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Vàng Diệu H và cháu Vàng Diệu L cho chị Sùng Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh C không có đơn kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét yêu cầu của anh C tại phiên tòa phúc thẩm. Nếu sau này anh C có căn cứ cho rằng chị P nuôi hai cháu H và L không đảm bảo cho sự phát triển toàn diện và các điều kiện cần thiết khác cho hai cháu thì anh C có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con đến Tòa án để xem xét giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang về giải quyết vụ án là có căn cứ. Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của chị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 27/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang.

Tuy nhiên, trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm có tuyên Giấy chứng nhận kết hôn số 01 do Ủy ban nhân dân xã P huyện X, tỉnh Hà Giang cấp ngày 09 tháng 12 năm 2009 cho chị Sùng Thị P và anh Vàng Sảo C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật là không đúng; vì việc thuận tình ly hôn của anh C, chị P đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực thi hành; mặt khác nội dung khởi kiện của anh C là xin ly hôn, không yêu cầu Tòa án xem xét việc cấp Giấy chứng nhận kết hôn của anh C và chị P. Về quan hệ tài sản đã được cấp sơ thẩm nhận định trong bản án, không cần thiết phải tuyên trong phần quyết định của bản án theo khoản 6 Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về án phí, cấp sơ thẩm áp dụng Điều 17 Luật phí và lệ phí là chưa đúng. Hội đồng xét xử phúc thẩm cần tuyên lại cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của chị P không được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên chị P phải chịu án phí phúc thẩm; tuy nhiên chị P là người dân tộc thiểu số, đang cư trú tại xã P, huyện X, tỉnh Hà Giang thuộc xã đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 10 Luật phí và Lệ phí; khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ tiền án phí phúc thẩm cho chị Sùng Thị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Sùng Thị P, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2019/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 58, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 10 Luật phí và lệ phí; khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận của chị Sùng Thị P và anh Vàng Sảo C thuận tình ly hôn.

2.Về quan hệ nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Vàng Diệu H, sinh ngày 29/03/2009 và cháu Vàng Diệu L, sinh ngày 25/10/2016 cho chị Sùng Thị P chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Anh Vàng Sảo C cấp dưỡng nuôi con chung (cháu Vàng Diệu H và cháu Vàng Diệu L) cho chị Sùng Thị P với mức cấp dưỡng 3.000.000đồng (*Ba triệu đồng*) một tháng theo phương thức định kỳ hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh Vàng Sảo C có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3.Về quan hệ tài sản: Không chấp nhận đơn phản tố của chị Sùng Thị P về việc phân chia tài sản chung gia đình. Chị Sùng Thị P có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản sau ly hôn bằng một vụ án dân sự khác.

4.Về án phí: Anh Vàng Sảo C phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), tổng cộng là 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 03943 ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Hà Giang. Anh Vàng Sảo C còn phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Sùng Thị P không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho chị Sùng Thị P 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 03973 ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Hà Giang.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Giang;
- TAND huyện Xín Mần;
- VKSND huyện Xín Mần;
- Chi cục THADS huyện Xín Mần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Loan

